

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 209/2019/HNGĐ-ST

Ngày 29-11-2019

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đặng Hồ Điệp

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Đào Tuấn Điệp

Ông Nguyễn Huy Vĩnh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 243/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4825/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trương Thị Th, sinh năm 1961; nơi cư trú: Cộng hòa Séc, vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Đỗ Mạnh D, sinh năm 1959; nơi cư trú: Cộng hòa Séc; hiện trú tại: Số 29/78 Trần Nguyên H, quận Lê Ch, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và các bản tự khai, nguyên đơn là bà Trương Thị Th trình bày:*

Bà Trương Thị Th và ông Đỗ Mạnh D cùng học tại trường đào tạo học nghề công nhân kỹ thuật của nhà máy Xi măng Hải Phòng và có tình cảm với nhau. Sau một thời gian tìm hiểu, bà và ông D đã đăng ký kết hôn vào ngày 13 tháng 6 năm 1980 tại Ủy ban nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng dần dần cuộc sống khó khăn về kinh tế, sinh hoạt gia đình thiếu thốn, tình cảm vợ chồng dần không được như trước, giữa bà và ông D thường xuyên xảy ra xô xát, cãi vã, bất đồng trong quan điểm sống. Ông D

thường hay đi làm về muộn, không quan tâm đến gia đình. Khi bà sinh con thì cuộc sống càng khó khăn hơn về kinh tế nên mâu thuẫn vợ chồng thường xảy ra thường xuyên hơn. Gia đình hai bên cũng đã nhiều lần hòa giải, cả bà và ông D cũng đã cố gắng khắc phục để tình cảm vợ chồng được cải thiện. Năm 1994, ông Đỗ Mạnh D đi lao động tại Tiệp Khắc và một năm sau thì làm thủ tục đón bà sang đoàn tụ vợ chồng. Mặc dù hai vợ chồng ở gần nhau nhưng tình cảm của bà và ông D sau rất nhiều năm cũng không thể hàn gắn được những mâu thuẫn. Nay các con đã lớn, gia đình và các con cũng đã động viên hòa giải nhiều lần tuy nhiên bản thân bà nhận thấy không còn tình cảm với ông Đỗ Mạnh D nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đỗ Mạnh D.

Về nuôi con chung: Quá trình chung sống ông bà có hai con chung tên Đỗ Tuấn Anh, sinh năm 1981 và Đỗ Thị Vân Anh, sinh năm 1983. Do các con đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Trương Thị Th và ông Đỗ Mạnh D có một căn nhà tại số 29, ngõ 78, đường Trần Nguyên Hãn, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng. Khi ly hôn, bà và ông D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Trong bản tự khai gửi đến Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, bị đơn là ông Đỗ Mạnh D trình bày:* Thống nhất với bà Trương Thị Th về quá trình kết hôn, về con chung, về tài sản chung và lý do ly hôn. Cho đến thời điểm hiện nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ vợ chồng là không thể. Vì vậy ông hoàn toàn nhất trí và cũng yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho ông được ly hôn với bà Trương Thị Th.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà Trương Thị Th và ông Đỗ Mạnh D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 13 tháng 6 năm 1980 tại Ủy ban nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng, theo quy định tại Điều 6, Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1959 đây là hôn nhân hợp pháp. Bà Trương Thị Th hiện đang cư trú ở nước ngoài, theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Bà Trương Thị Th hiện đang sinh sống ở nước ngoài, bà có đơn xin ly hôn gửi về Việt Nam, tài liệu của bà đã được Đại sứ quán Việt Nam tại Cộng Hòa Séc chứng nhận. Trong đơn xin ly hôn, bà yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt và ủy quyền cho ông Đỗ Mạnh D nhận các văn bản tố tụng của Tòa án cho bà. Ông Đỗ Mạnh D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án. Tuy nhiên do có công việc đột xuất nên ông Đỗ Mạnh

D vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Trương Thị Th và ông Đỗ Mạnh D.

[3] Về hôn nhân: Lời trình bày của nguyên đơn là bà Trương Thị Th và ông Đỗ Mạnh D phù hợp với lời trình bày của đại diện gia đình thể hiện bà Trương Thị Th và ông Đỗ Mạnh D kết hôn trên cơ sở tự nguyện nhưng hôn nhân không hạnh phúc. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, bất đồng trong quan điểm sống, lối sống, không tìm được tiếng nói chung. Bản thân bà Trương Thị Th và ông Đỗ Mạnh D cũng đã cố gắng khắc phục mâu thuẫn vợ chồng, con cái cũng như hai bên gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Đến nay cả hai đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ là không thể nên yêu cầu ly hôn của bà Trương Thị Th là có căn cứ.

[4] Xét quan hệ hôn nhân giữa bà Trương Thị Th và ông Đỗ Mạnh D đã thực sự không còn yêu thương nhau, vợ chồng mỗi người một nơi không quan tâm đến nhau cả về kinh tế và tình cảm. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trương Thị Th.

[5] Về nuôi con chung: Các con của bà Th và ông D đã trưởng thành, đương sự yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về tài sản chung: Bà Trương Thị Th và ông Đỗ Mạnh D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về án phí: Bà Trương Thị Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[8] Về quyền kháng cáo của các đương sự: Bà Trương Thị Th và ông Đỗ Mạnh D được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 35; khoản 1 Điều 37; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2, khoản 4 Điều 207; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 238; Điều 266; Điều 273; điểm d khoản 1 Điều 469; khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị Th được ly hôn với ông Đỗ Mạnh D.

2. Về nuôi con chung: Bà Trương Thị Th và ông Đỗ Mạnh D có hai con chung tên Đỗ Tuấn Anh, sinh năm 1981 và Đỗ Thị Vân Anh, sinh năm 1983 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết .

3. Về tài sản chung: Bà Trương Thị Th và ông Đỗ Mạnh D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trương Thị Th phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0008449 ngày 08 tháng 11 năm 2019 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Bà Trương Thị Th đã nộp đủ.

5. Về quyền kháng cáo của các đương sự:

Bà Trương Thị Th, **ông Đỗ Mạnh D** được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND quận Lê Chân TP Hải Phòng;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Đặng Hồ Điệp**













